

**Đơn vị: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình**

**Địa chỉ: Phường Đông Thành – TP Ninh Bình**

**Điện thoại: 0229.3 887 106**

**Mã số thuế: 2700135623**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2017**

**Tháng 4, năm 2018**

Số: 113/BC-CTN

Ninh Bình, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC NINH BÌNH NĂM 2017**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700135623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/11/2015 và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/12/2015.
- Vốn điều lệ: 150.800.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.800.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 2, đường Võ Thị Sáu, phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: (030) 3.871.053
- Số fax: (030) 3.875.033
- Website: capnuocninhbinh.tha.vn/
- Mã cổ phiếu: NNB.

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Ngày thành lập: 16/7/1971 (QĐ số 1497/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình).
- Thời điểm niêm yết: ngày 20/10/2016 trên Sàn giao dịch Upcom.
- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình tiền thân là Nhà máy nước Ninh Bình thành lập ngày 16/7/1971 có nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho nhân dân thị xã Ninh Bình. Trải qua 47 năm xây dựng và phát triển từ công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ, hiện nay tổng công suất cấp nước của Công ty là 60.000 m<sup>3</sup>/ngđ và mua của BOOVSG để phân phối cho khu vực Bắc Tp Ninh Bình là 11.000 m<sup>3</sup>/ngđ, là đơn vị cung cấp nước chính cho tỉnh Ninh Bình.

Các mốc lịch sử phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 7/1971: Nhà máy nước Ninh Bình có công suất thiết kế 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ được thành lập theo QĐ số 1497/QĐ-UB ngày 16/7/1971 của UBND tỉnh Ninh Bình;
- Năm 1992: UBND tỉnh Ninh Bình có QĐ số 556/QĐ-UBND ngày

22/12/1992 thành lập DNNN: Nhà máy nước Ninh Bình; ngày 17/5/1994, đổi tên thành Công ty Cấp nước Ninh Bình (QĐ số 289/QĐ-UBND của UBND tỉnh) và được công nhận là DNNN hạng II theo QĐ số 486/QĐ-UBND ngày 09/7/1994 của UBND tỉnh Ninh Bình.

- Năm 1996: Nhà máy được cải tạo nâng công suất từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ bằng nguồn vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) với tổng mức đầu tư là 6,7 triệu USD; trong đó vốn vay ADB là 5,01 triệu USD, vốn đối ứng là 1,69 triệu USD-(QĐ số 789/TTg-CP ngày 26/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư nâng cấp và mở rộng quy mô các hệ thống cấp nước hiện có tại 7 thành phố, thị xã trong đó có Công ty Cấp nước Ninh Bình).

- Năm 1997: được công nhận là DNNN có hoạt động công ích (QĐ số 590/QĐ-UBND ngày 17/5/1997 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Năm 1999: Tiếp nhận Công ty Cấp nước Tam Điệp (QĐ số 78/QĐ-UBND ngày 13/1/1999 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Năm 2001: Tiếp nhận Trạm Cấp nước Thiên Tôn (huyện Hoa Lư) và Trạm Cấp nước Yên Ninh (huyện Yên Khánh), mỗi Trạm công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ – (QĐ số 1933/QĐ-UBND ngày 25/9/2001 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Năm 2003: Tiếp nhận Trạm Cấp nước thị trấn Yên Thịnh (huyện Yên Mô) công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ – (văn bản số 303/ UB-VP4 ngày 25/6/2003 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Năm 2005: Tiếp nhận Nhà máy nước thị trấn Phát Diệm (huyện Kim Sơn) công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ (văn bản 957/UBND-VP4 ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Năm 2009: Tiếp nhận Nhà máy nước thị trấn Me (huyện Gia Viễn) công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ (văn bản số 445/UBND-VP4 ngày 20/5/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Tháng 9/2007, chuyển thành Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Ninh Bình (QĐ số 2107/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Ngày 22/5/2015, phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Ninh Bình thành Công ty cổ phần (QĐ số 483/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Ngày 20/8/2015, Công ty tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 4.401.880 cổ phần, số lượng cổ phần bán đấu giá thành công là 162.000 cổ phần, giá đầu thành công là 10.0000 đồng/cp.

- Ngày 23/10/2015, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thành lập Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình.

- Ngày 24/11/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2700135623 với vốn điều lệ là 150.800.000.000 đồng. Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/12/2015 (được UBND tỉnh Ninh Bình chấp thuận tại Công văn số 02/UBND-VP5 ngày 05/01/2016).

- Ngày 16/3/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 56/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 15.080.000 cổ phiếu.

- Ngày 26/8/2016, phê duyệt quyết toán tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa tại thời điểm chấm dứt hoạt động DNNN (30/11/2015) - (QĐ số 1097/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình).

- Các sự kiện khác: Với những thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Chính phủ, Chủ tịch nước, UBND cấp tỉnh tặng thưởng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua và Huân chương lao động hạng ba.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước; Xử lý nước thải; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Thiết kế các công trình cấp thoát nước có lưu lượng nhỏ hơn 15.000 m<sup>3</sup>/ngày; Tư vấn, giám sát công trình xây lắp ngành nước; Sản xuất nước lọc.

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Cung cấp nước sạch; Xây dựng và lắp đặt công trình nước.

- Địa bàn kinh doanh: toàn tỉnh Ninh Bình.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

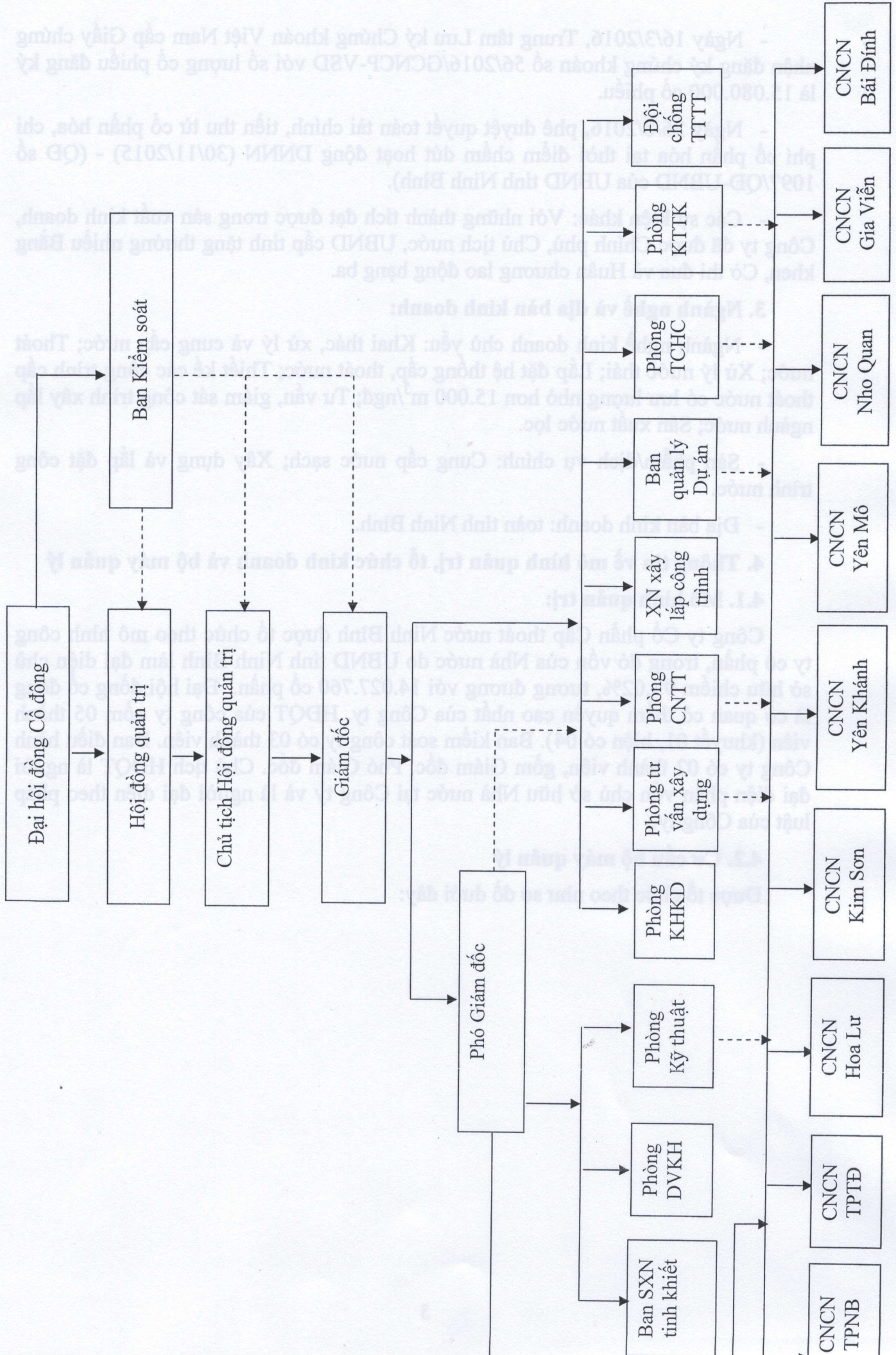
#### **4.1. Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, trong đó vốn của Nhà nước do UBND tỉnh Ninh Bình làm đại diện chủ sở hữu chiếm 93,02%, tương đương với 14.027.760 cổ phần. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. HĐQT của công ty gồm 05 thành viên (khuyết 01, hiện có 04). Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên. Ban điều hành Công ty có 02 thành viên, gồm Giám đốc, Phó Giám đốc. Chủ tịch HĐQT là người đại diện phần vốn chủ sở hữu Nhà nước tại Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Được tổ chức theo như sơ đồ dưới đây:

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC NINH BÌNH



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): không có.

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Mục tiêu dài hạn: Xây dựng Công ty trở thành đơn vị cấp nước chủ yếu của Tỉnh Ninh Bình, có quy mô trung bình so với các Công ty trong ngành và trình độ sản xuất đạt mức trung bình khá so với các Công ty cấp nước thuộc đồng bằng sông Hồng vào năm 2025.

- Mục tiêu ngắn hạn:

+ Tập trung mở rộng và củng cố thị phần cấp nước, từng bước ứng dụng có hiệu quả công nghệ tiên tiến vào sản xuất; có lộ trình phù hợp để nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn, xây lắp chuyên ngành nước;

+ Giảm nhanh và bền vững tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch; hướng tới mục tiêu cấp nước an toàn vào năm 2025;

+ Xây dựng định mức sản xuất, đơn giá sản phẩm, dịch vụ so với định mức kinh tế kỹ thuật của ngành;

+ Giá nước: từng bước thực hiện giá nước theo cơ chế thị trường theo lộ trình điều chỉnh giá nước 02 năm/01 lần.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 của Công ty: Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 28/7/2014 của Thủ Tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nhằm đảm bảo nhu cầu dùng nước cho các đô thị trong tỉnh theo định hướng quy hoạch được duyệt, Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo công nghệ xử lý và nâng công suất các nhà máy; cải tạo và mở rộng hệ thống truyền tải, hệ thống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi đô thị. Tập trung phát triển nhanh mạng cấp nước các khu vực nông thôn để phát huy hiệu quả của các Trạm nước sạch nông thôn được giao nhận nợ.

- Chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo TCVN 5502:2003. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008,

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại kỹ năng làm việc cho người lao động; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế giỏi về làm việc tại Công ty.

- Thực hiện Kế hoạch chống thất thoát, thất thu theo vùng, tuyến ống, phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 18% theo đúng Lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định số

80/QĐ-UBND ngày 27/01/2014). Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư phát triển mạng cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ bao phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100% và 70% khu vực nông thôn vào năm 2025.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành; đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao khả năng tương tác với khách hàng.

**5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty**

*5.3.1. Các mục tiêu phát triển bền vững*

Nâng cao chất lượng sản xuất nước sạch và quản trị có hiệu quả hệ thống cấp nước nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng; quản lý và sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả; có lộ trình phù hợp để thực hiện chiến lược cấp nước an toàn. Tích cực cùng chính quyền và cộng đồng bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn nước.

*5.3.2. Các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty*

a) Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH năm 2018
1	Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	15.708
	- Công ty sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	12.495
	- Mua BOOVSG	1.000 m <sup>3</sup>	3.213
2	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m <sup>3</sup>	9.895
	- Nước đô thị	1.000 m <sup>3</sup>	9.357
	- Nước Nông thôn	1.000 m <sup>3</sup>	538
3	Tỷ lệ thất thoát		37,0
	- Tỷ lệ thất thoát đô thị	%	35,78
	- Tỷ lệ thất thoát nông thôn	%	52,76
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	107.026
	- Doanh thu sản xuất nước	Triệu đồng	96.226
	- Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	9.120
	- Doanh thu sản xuất nước uống đóng chai	Triệu đồng	700
	- Doanh thu tài chính	Triệu đồng	80

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH năm 2018
	- Thu nhập khác	Triệu đồng	900
5	Hộ tăng	Hộ	3.232
6	Nộp thuế và các khoản nộp ngân sách	Triệu đồng	7.260
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	306
8	Lao động	Người	350
9	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	5.400.000

b) Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2018 – 2020

- Cải tạo công nghệ xử lý nước tại Nhà máy nước Kim Sơn, Trạm cấp nước Kim Mỹ (Kim Sơn). Cải tạo để đưa Trạm cấp nước Phú Long, Quỳnh Lưu (Nho Quan) vào hoạt động khi nhu cầu dùng nước tại khu vực này tăng lên; dự kiến tổng mức đầu tư là 20 tỷ đồng.

- Đầu tư cải tạo và mở rộng mạng cấp nước tại các Công trình nước sạch nông thôn tập trung được Tỉnh bàn giao: xây dựng các tuyến ống truyền tải và tuyến dịch vụ tại xã Văn Phong (Nho Quan); Gia Minh (Gia Viễn); Sơn Hà (Nho Quan); Kim Đông, Kim Hải, Cồn Thoi và Thị trấn Bình Minh, Định Hóa (Kim Sơn); đầu tư tuyến cấp nước cho khu công nghiệp Khang Thượng (Yên Mô). Dự kiến tổng mức đầu tư là 30 tỷ đồng.

- Đầu tư các phần mềm ứng dụng để quản trị mạng cấp nước, quản lý khách hàng, quản lý tài sản; thí điểm triển khai thu tiền qua tài khoản, phát hành hoá đơn điện tử. Dự kiến tổng mức đầu tư là 01 tỷ đồng.

- Triển khai các dự án phát triển mạng cấp nước theo phương án xã hội hóa: doanh nghiệp đầu tư có sự tham gia đóng góp của nhân dân.

## 6. Các rủi ro:

- Sự cạnh tranh về thị phần cấp nước ngày càng tăng: bên cạnh mặt tích cực giúp gia tăng nguồn lực xã hội trong đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước cho tỉnh thì cũng đặt ra cho Công ty sự thách thức, cạnh tranh không hề nhỏ, đòi hỏi Công ty phải không ngừng nỗ lực phấn đấu để ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

- Do sản phẩm chính của Công ty là sản xuất nước sạch, nguồn nguyên liệu chính để sản xuất nước sạch là nước thô lấy từ các con sông chảy qua địa bàn tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, tình trạng cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng đã ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nước thô, làm gia tăng chi phí sản xuất nước sạch và ảnh hưởng đến an toàn cấp nước.

- Công tác giải phóng mặt bằng yêu cầu di chuyển các tuyến ống cấp nước song không có kinh phí hỗ trợ di chuyển tuyến ống.

- Tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, việc thi công xây dựng các công trình hạ



tầng đô thị và phát triển hệ thống đường giao thông đã gây ra khá nhiều sự cố làm vỡ, đập, rò rỉ đường ống cấp nước ngầm gây thất thoát nước và làm tăng chi phí sản xuất.

- Khu vực nông thôn người dân chưa có nhận thức đúng về nước sạch, mức sử dụng nước thấp và sử dụng theo mùa.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017: Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 119,1 tỷ đồng, trong đó Doanh thu sản xuất nước đạt 93,3 tỷ đồng; Doanh thu xây lắp đạt 11,8 tỷ đồng; Doanh thu sản xuất nước lọc đạt 581 tr.đ; Doanh thu tài chính đạt 80 tr.đ; Thu nhập khác đạt 1.114 tr.đ; Doanh thu xây lắp nội bộ đạt 12,2 tỷ đồng. Sản lượng nước thương phẩm: 9,8 triệu m<sup>3</sup> (đáp ứng nhu cầu nước sạch cho 69.000 khách hàng; lợi nhuận sau thuế đạt 1,5 tỷ đồng; nộp ngân sách 7,2 tỷ đồng. Thu nhập bình quân của người lao động là 5.587.424 đ/ng/tháng.

- Năm 2017, Công ty đạt mức tăng trưởng 13% về sản xuất nước so với kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

- Về thị trường tiêu thụ sản phẩm chính: thị phần cấp nước tập trung tại các thành phố, thị trấn, thị tứ và vùng phụ cận bao gồm 106 xã/phường thuộc 08 huyện/thành phố với số đầu nối là 69.127 hộ. Công ty đang cấp nước cho 02 khu công nghiệp Gián Khẩu (Hoa Lư) và Yên Ninh (Yên Khánh).

- Sản phẩm nước lọc Tràng An đã được giới thiệu và thị trường Ninh Bình chấp nhận; doanh thu năm 2017 đạt 581 triệu đồng, tạo việc làm cho 10 lao động.

- Bảng so sánh một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	So sánh TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	119.065	127.091	93,68
2	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	16.933	14.973	113,09
3	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	9.760	9.407	103,83
4	Số khách hàng	Hộ	69.127	63.601	+8,68
5	Tỷ lệ thất thoát đô thị	%	41,34	39,21	+5,43
	Tỷ lệ thất thoát nông thôn	%	55,92	50,78	+10,12
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.887	1.100	171,54
7	Lao động	Người	323	350	92,28
8	Nộp ngân sách	Tr.đ	7.218	10.965	66,02
9	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	5.587.424	5.384.000	103,7

#### 1.1. Nước tiêu thụ

- Nước thương phẩm đạt 9,8 triệu m<sup>3</sup> đạt 104 % so với kế hoạch năm 2017 và 110% so với cùng kỳ năm 2016. Nước khu vực nông thôn 0,5 triệu m<sup>3</sup>; khu vực đô thị 9,3 triệu m<sup>3</sup>

- Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	So sánh (%)	
					TH2017/2016	TH2017/KH2017
1	Nước tiêu thụ (1.000m <sup>3</sup> )	8.938	9.047	9.760	109,20	103,83

### 1.2. Doanh thu từ dịch vụ cấp nước

- Doanh thu tiền nước đạt 92,8 tỷ đồng; cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	So sánh (%)	
					TH2017/2016	TH2017/KH2017
1	Doanh thu tiền nước (Triệu đồng)	80.362	89.396	93.306	116,11	104,37

### 1.3. Tỷ lệ nước thất thoát:

- Tỷ lệ thất thoát nước sạch năm 2017 (vùng đô thị) là 41,34%, không giảm so với năm 2016 (39,21%), nguyên nhân:

+ Nguyên nhân khách quan: do mạng cấp nước TP Ninh Bình đang trong quá trình thay thế, nâng cấp; mạng cấp nước nông thôn xuống cấp;

+ Nguyên nhân chủ quan: do công tác quản lý nước không doanh thu đã có chuyển biến song chưa đáp ứng nhu cầu; công tác quản lý mạng cấp nước chưa đáp ứng yêu cầu; kinh phí cho cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp chưa đáp ứng; thay thế đồng hồ quá hạn chậm.

+ Giải pháp: Công tác đào tạo kỹ năng cho bộ phận chống thất thoát, thất thu đã bước đầu phát huy hiệu quả cần tổ chức triển khai liên tục và đồng bộ với các công tác khác như: thay thế tuyến ống kềm, thay thế đồng hồ, tập trung cho các phân vùng thất thoát cao; tiến hành đồng bộ các biện pháp về quản lý nước không doanh thu đối với tất cả các bộ phận, chi nhánh.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

#### • Ông : Vũ Đăng Tú - Giám đốc kiêm Phó Ban quản lý dự án:

- Bổ nhiệm Giám đốc từ tháng 8/2017 thay ông Trần Minh Giang, mất tháng 2/2017.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình hoạt động: Trước khi bổ nhiệm Giám đốc là Phó giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 7.800 Cổ phần

#### • Nguyễn Xuân Hạnh - Phó Giám đốc phụ trách sản xuất:

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

- Quá trình hoạt động: Bổ nhiệm Phó Giám đốc tháng (05/2015); Ông Nguyễn Xuân Hạnh đã giữ các chức vụ là Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Tam điệp, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 8.600 cổ phần.

#### • Ông: Đặng Hùng Cường - Kế toán trưởng:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình hoạt động: giữ chức Kế toán trưởng vào 01/2008, bổ nhiệm lại Kế

toán trưởng từ Đại hội thành lập Công ty cổ phần tháng 11/2015.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 7.300 Cổ phần.

## **2.2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động**

- Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số cán bộ, nhân viên: 333 người.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động như lương, chế độ thai sản ốm đau, trang cấp thiết bị bảo hộ lao động...
- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và thực hiện đúng các cam kết trong quy định trên, tổ chức Hội nghị người lao động năm 2017. Mọi chế độ quyền lợi của cán bộ công nhân viên đều được công ty thực hiện đầy đủ kịp thời.
- Công ty, tổ chức công đoàn và hội phụ nữ đã thăm hỏi, trích quỹ cho vay hoặc hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bệnh tật.
- Môi quan hệ lao động trong Công ty luôn hài hòa, nội bộ Công ty ổn định đoàn kết.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

- Ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý nước không doanh thu:
  - + Triển khai dự án Xây dựng phần mềm Quản lý khách hàng và ghi chỉ số thu tiền nước bằng điện thoại di động với số tiền đầu tư 333 triệu đồng, dự kiến kết thúc vào quý 1/2018.
  - + Triển khai dự án quản lý tài sản từ nguồn vốn vay WB, dự án đang được chuyển giao đi vào hoạt động.
- TP Ninh Bình:
  - + Lắp đặt hệ thống lắng Lamén cho hệ thống xử lý nước, cải tạo phần động lực Trạm bơm cấp 2 của Nhà máy nước Ninh Bình; dự án đã nâng cao chất lượng nước và tăng năng lực cấp nước của nhà máy, giảm chi phí điện do các máy bơm cũ hiệu suất thấp.
  - + Đấu nối hệ thống cấp nước Ninh Thắng vào mạng cấp nước Ninh Bình đã thay thế 01 Trạm nước sạch nông thôn nhờ vậy giảm chi phí điện và tăng năng lực cấp nước cho khu vực phía Nam thành phố;
- Huyện Hoa Lư:
  - + Lắp đặt hệ thống lắng Lamén cho hệ thống xử lý nước, cải tạo phần động lực Trạm bơm cấp 1, cấp 2 của Nhà máy nước Hoa Lư, nâng công suất Nhà máy từ 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ đảm bảo nhu cầu nước cho khu công nghiệp Gián Khẩu và một số xã Hoa Lư.
  - + Xây dựng tuyến ống cấp nước trực chính và tuyến ống dịch vụ từ Chi nhánh cấp nước Hoa Lư cấp cho xã Trường Yên, Ninh Hòa (Hoa Lư) với tổng chiều dài: 20.619m, số tiền đầu tư: 4,3 tỷ đồng, Dự án đã thay thế 02 Trạm nước sạch nông thôn nhờ vậy giảm chi phí điện và tăng năng lực cấp nước cho 02 xã này;
- TP Tam Điệp:
  - + Di chuyển tuyến ống cấp nước theo yêu cầu giải phóng mặt bằng tại đường 12C Nho Quan -Tam Điệp, công trình triển khai theo tiến độ giải phóng mặt bằng, hiện đang thực hiện.
- Huyện Kim Sơn:
  - + Cải tạo và đưa Trạm cấp nước Kim Hải vào hoạt động với công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ, số tiền đầu tư: 3,08 tỷ đồng đáp ứng nhu cầu dùng nước của 3.000 hộ dân.

+ Xây dựng tuyến ống cấp nước trực chính và tuyến ống dịch vụ từ Nhà máy nước Kim Sơn cấp cho các xã Định Hóa với tổng chiều dài: 7.600m, số tiền đầu tư: 2,9 tỷ đồng.

- Huyện Yên Khánh: Xây dựng tuyến ống cấp nước cho khu dân cư phố Khu Trung, thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh với tổng chiều dài: 2.900m, số tiền đầu tư 445 triệu đồng, phục vụ cấp nước cho khoảng 100 hộ dân.

- Huyện Yên Mô: Xây dựng tuyến ống cấp nước trực chính và dịch vụ cấp nước cho nhân dân xã thị trấn Yên Thịnh, với tổng số tiền đầu tư 1,1 tỷ đồng; đã có thêm 700 hộ dân thị trấn được sử dụng nước sạch.

- Huyện Nho Quan:

+ Thay thế tuyến ống cấp nước trực chính Lạng Phong vật liệu UPC bằng vật liệu HDPE tăng năng lực cấp nước cho nhân dân một số thôn của xã Lạng Phong.

+ Hoàn thành tuyến truyền tải từ thị trấn cấp nước cho xã Văn Phong, với tổng số tiền đầu tư 3,136 tỷ đồng; hiện chưa triển khai tuyến dịch vụ do dự án cải tạo đường 12C.

- Các Trạm cấp nước, các Nhà máy sản xuất nước được nâng cấp, cải tạo đáp ứng yêu cầu sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Tình hình thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước TP Ninh Bình

+ Triển khai dự án WB giai đoạn 2 (nguồn vốn dư là 97.369 triệu đồng): cải tạo mạng dịch vụ tại các phường nội thị (Thanh Bình, Nam Bình, một số khu dân cư xã Ninh Nhất, Ninh Tiến...); lắp đặt máy bơm thay thế máy bơm cũ hiệu suất thấp tại Trạm cấp 2 chi nhánh cấp nước Ninh Bình, thay thế đồng hồ quá niên hạn và mua sắm một số thiết bị dò tìm thất thoát.

+ Dự án kết thúc giai đoạn xây lắp vào tháng 12/2017 và kết thúc giải ngân vào tháng 4/2018. Hiện giai đoạn 1 của dự án đã thực hiện kiểm toán độc lập, đang thực hiện kiểm toán độc lập giai đoạn 2.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	423.328.065.822	505.912.335.123	+ 19,5
Doanh thu thuần	102.662.883.113	105.679.541.127	+ 2,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(904.797.439)	854.511.000	
Lợi nhuận khác	1.858.418.165	1.032.691.506	- 44,5
Lợi nhuận trước thuế	953.620.726	1.887.202.506	+ 98,0
Lợi nhuận sau thuế	761.859.662	1.506.979.096	+ 97,9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	55	55	

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Ghi chú
----------	-----	-----	---------

	2016	2017	
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,709	0,849	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,317	0,500	
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,642	0,699	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,793	2,319	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,851	4,763	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,254	0,227	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,007	0,014	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,005	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,002	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,008)	0,008	

#### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

##### **a. Cổ phần/Shares:**

- Tổng số cổ phần: 15.080.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.515.160
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 564.840

##### **b. Cơ cấu cổ đông:**

- Cổ đông Nhà nước: nắm giữ 14.027.760 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 93,02%;
- Cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng): nắm giữ 68.700 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0,46%;
- Cổ đông trong Công ty của Cán bộ công nhân viên: nắm giữ 978.540 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 6,49%;
- Cổ đông ngoài Công ty: nắm giữ 5.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0,03%

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

**d. Các chứng khoán khác: Không có.**

Đơn vị tính giá trị: đồng

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông Nhà nước:</b>	14.027.760	140.277.600.00	93,02%	-	-	0,00	14.027.76	140.277.600.00	93,02
		0				%	0	0	%
<b>2. Cổ đông nội bộ:</b> (HQQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	68.700	687.000.000	0,46%	-	-	0,00	68.700	687.000.000	0,46%
<b>3. Cổ đông trong công ty:</b>	978.540	9.785.400.000	6,49%	-	-	0,00	978.540	9.785.400.000	6,49%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	%	-	-	-
Cán bộ công nhân viên	978.540	9.785.400.000	6,49%	-	-	-	978.540	9.785.400.000	6,49%
<b>4. Cổ đông ngoài công ty:</b>	5.000	50.000.000	0,03%	-	-	0,00	5.000	50.000.000	0,03%
Cá nhân	5.000	50.000.000	0,03%	-	-	%	5.000	50.000.000	0,03%
Tổ chức	-	-	-	-	-	-	-	-	-

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Quản lý nguồn nước thô đầu vào.

+ Thực hiện đặt biển báo hiệu tại khu vực hồ thu nước.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực hành lang bảo vệ nguồn nước; Có biện pháp phòng ngừa, khắc phục các sự cố có thể xảy ra để đảm bảo nguồn nước nguyên liệu được ổn định.

- Quản lý sử dụng hóa chất phục vụ sản xuất (Clo, Javen, phèn nhôm, vôi bột...)

+ Đội ngũ nhân viên kỹ thuật luôn kiểm tra chất lượng hóa chất trước, trong và sau khi sử dụng, công nhân vận hành trực 24/24 kịp thời khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

+ Kiểm soát, lựa chọn lượng hóa chất vừa đủ, phù hợp để phục vụ sản xuất trong một thời gian nhất định, tránh trường hợp lưu kho trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến chất lượng của hóa chất khi đưa vào sử dụng.

+ Định lượng hóa chất vừa đủ để đưa vào sử dụng, tránh gây lãng phí để đạt hiệu quả sản xuất cao.

+ Nhà xưởng, kho dự trữ hóa chất luôn đảm bảo khô thoáng và sạch sẽ không gây ảnh hưởng đến chất lượng hóa chất.

+ Quản lý, vận hành, sử dụng hóa chất theo đúng Quy trình kể từ khâu vận chuyển đến khâu pha chế phục vụ sản xuất.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Trong quá trình sản xuất Công ty đã tận dụng các thiết bị, vật tư thu hồi khi không còn phù hợp với thiết kế tại các cơ sở sản xuất như: Máy biến thế, ống nhựa HDPE, ống thép, đồng hồ cũ các loại,... để tái sử dụng vào các vị trí cần thiết và phù hợp với nhu cầu sản xuất.

Tổng vật tư thu hồi giá trị 415.916.860 đồng.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Điện là năng lượng chủ yếu sử dụng trong quá trình sản xuất từ khâu đưa nước vào hệ thống đến phân phối, tiêu thụ.

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Mức tiêu thụ nước thô – nước nguyên liệu; Tiêu thụ nước sạch.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Tối ưu hóa việc chọn bơm: Thay thế, nâng cấp, sửa chữa bơm cũ. Sử dụng các máy bơm có điểm làm việc phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất, tránh lãng phí điện năng.

- Tối ưu hóa quá trình vận hành hệ thống: Lắp đặt các thiết bị kiểm soát vòng quay động cơ (máy biến tần);

- Hạn chế sử dụng điện vào giờ cao điểm để tiết kiệm điện năng bằng cách nâng cao khả năng điều hòa trong dây truyền xử lý (nâng công suất bể chứa).

- Tối ưu hóa việc thiết kế hệ thống đường ống (giảm thiểu tối đa tổn thất áp lực)

- Sử dụng hóa chất vừa đủ, tránh gây hiện tượng hóa chất thừa, nước thải ra trong quá trình sản xuất lớn, hiệu quả sản xuất không cao. Tiết kiệm được lượng nước thô đầu vào, hóa chất: ứng dụng công nghệ lắng Lamén tại các Nhà máy Hoa Lư, Kim Hải và Ninh Bình.

- Thông qua hệ thống SCADA để kiểm soát áp lực và lưu lượng các tuyến ống truyền dẫn, tăng cường công tác chống thất thoát, thất thu để dẫn đến tiết kiệm được lượng nước đầu vào, giảm được chi phí điện năng, hóa chất.
- Ứng dụng các phần mềm quản lý khách hàng để nâng cao năng suất lao động.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

#### a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

STT	CƠ SỞ SẢN XUẤT	NGUỒN NƯỚC	LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG TRONG NĂM 2016 (m <sup>3</sup> )	LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG TRONG NĂM 2017(m <sup>3</sup> )
1	CNCN Ninh Bình	Sông Đáy	7.202.710,9	7.602.230
2	CNCN Hoa Lư	Sông Hoàng Long	911.379,7	851.607
3	CNCN Gia Viễn	Sông Hoàng Long	447.794	454.724
4	CNCN Nho Quan	Sông Hoàng Long	339.229	317.070
5	CNCN Tam Điệp	Nước ngầm	1.946.253	1.849.829
6	CNCN Yên Mô	Sông Vạc	326.898	399.575
7	CNCN Kim Sơn	Sông Vạc	857.495	1.007.442
8	CNCN Yên Khánh	Sông Mới	293.797	308.245
9	TCN Trường Yên	Sông Hoàng Long	279.240,5	322.680
10	TCN Ninh Hòa	Sông Sào Khê	61.222,7	165.720
12	TCN Kim Mỹ	Sông Cà Mau	359.700	226.100
13	TCN Lạng Phong	Sông Hoàng Long	98.740,4	142.996
14	TCN Phú Lộc	Hồ Đồng Chương	66.611,6	46.809
15	TCN Yên Quang	Hồ 3 Yên Quang	12.870	4.666
16	TCN Gia Sinh	Sông Hoàng Long	23.507	171.096
17	TCN Kỳ Phú		-	13.046
18	TCN Kim Hải	Sông Cà Mau	-	1.592

#### b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Nước thải sản xuất bao gồm: Bùn nước sau lắng, nước rửa lọc, nước vệ sinh bể chưa được đưa qua hồ chứa, đến sân phơi để xử lý bùn một cách tự nhiên. Bùn được thu hồi vận chuyển đến nơi quy định, nước thải thoát vào hệ thống tiêu nước của thành phố.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về môi trường; hàng năm công ty nộp 73 triệu đồng phí khai thác nước.

- Công ty luôn chấp hành tốt và tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Chưa có xử phạt hành chính nào liên quan đến việc vi phạm các quy định môi trường.

- Tiến hành báo cáo, nộp phí theo quý về vấn đề xả thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Bình.

- Thực hiện báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời đến các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

### 7. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động



- Số lượng lao động: 333 người.
- Mức lương trung bình: 5.587.424 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Các chế độ phúc lợi của người lao động đều được đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn giải quyết lương, các chế độ thai sản ốm đau... đầy đủ, không xảy ra tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất và cán bộ phụ trách và trang cấp bảo hộ lao động cho tất cả công nhân sản xuất trực tiếp, cử người tham gia tập huấn về phòng chống cháy nổ.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Năm 2017 công ty đã cử 60 lượt người tham gia các lớp tập huấn về lao động tiền lương, kế toán thuế, chứng khoán, kỹ năng mềm, kỹ năng lập kế hoạch, công nghệ thông tin cho nhân viên Khối văn phòng.

- Thực hiện khóa đào tạo Quản lý nước không doanh thu cho 64 học viên và đào tạo kỹ năng dò tìm cho 15 công nhân do Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật SUIDO Nhật Bản và Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên – Huế phối hợp thực hiện.

- Các công nhân sản xuất trực tiếp được tham dự khóa học về an toàn vệ sinh lao động, kỹ năng phòng chống cháy nổ và thoát hiểm.

- Đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên bộ phận thu ghi tiền nước, bộ phận quản lý mạng, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

### **8. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng, nộp thuế, góp phần tăng nguồn ngân sách – là một nguồn tài chính quan trọng cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Bên cạnh đó trong năm 2017, Công ty cũng tham gia đầy đủ các hoạt động quyên góp, từ thiện với tổng số tiền là 55,768 triệu đồng, trong đó: Ủng hộ quỹ an sinh xã hội 37,740 triệu đồng, ủng hộ nước lọc các xã vùng lũ Nho Quan, Gia Viễn 4,028 triệu đồng. Đoàn thanh niên tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND phường Đông Thành, Chính quyền địa phương nơi có cơ sở sản xuất, UBND Tỉnh Ninh Bình thực hiện công tác vệ sinh môi trường đô thị, bảo vệ nguồn nước thô nguyên liệu; bảo vệ nước đầu nguồn.

- Ngoài việc kiểm tra của Trung tâm Y tế, Công ty ban hành Quy định thực hiện chế độ nội kiểm trong sản xuất nước sạch tại các Nhà máy, Trạm cấp nước thuộc Công ty quản lý nhằm thường xuyên kiểm tra chất lượng nước nguồn và nước thương phẩm, đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho người dân đạt quy chuẩn QCVN 01: 2009/BYT và QCVN 02: 2009/BYT theo thông tư số: 50/2015/TT/BYT của Bộ y tế ngày 11/12/2015 về việc quy định kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt.

- Phối hợp cùng Trung tâm y tế dự phòng Tỉnh, UBND các địa phương đưa ra khuyến cáo cho người dân sử dụng nước sạch do Công ty cung cấp thau rửa bể chứa, đường ống,... để đảm bảo chất lượng nước ăn uống sinh hoạt không gây ảnh hưởng đến sức khỏe vào mùa dịch bệnh hàng năm.

### **9. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

- Công ty luôn hướng đến hoạt động theo hướng phát triển bền vững. Vừa hoạt

động kinh doanh, vừa hướng đến bảo vệ môi trường; chú trọng an sinh xã hội,...

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân không chỉ khu vực thành thị mà còn đến các khu vực vùng sâu vùng xa, nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Công ty đang hướng đến mục tiêu tỉ lệ sử dụng nước sạch tại khu vực nông thôn đạt 80%.

- Công ty chỉ đạo cho các đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ,...) phát động phong trào lao động công ích, làm vệ sinh môi trường định kỳ; Hướng ứng các phong trào xã hội, tuần lễ nước sạch, tuần lễ an toàn lao động,...

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả đạt được: Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về công khai minh bạch hoạt động của doanh nghiệp theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước; chấp hành nghiêm chỉnh Chính sách và Pháp luật của Nhà nước; thực hiện kê khai và nộp đủ số thuế theo quy định; đời sống, việc làm của người lao động được đảm bảo. Năm 2017, Công ty đạt mức tăng trưởng 13% về sản xuất nước so với kế hoạch, doanh nghiệp có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

+ Doanh thu, sản lượng nước tiêu thụ, số hộ dùng nước tăng nhanh; thị trường mở rộng.

+ Từng bước ứng dụng có kết quả tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản trị mạng cấp nước.

+ Từ năm 2017, sản phẩm nước lọc Trảng An đã được giới thiệu và thị trường Ninh Bình chấp nhận; doanh thu đạt 581 triệu đồng, tạo việc làm cho 10 lao động.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch		
	Số Tiền (Đồng)	T.Trọng ng (%)	Số Tiền (Đồng)	T.Trọng ng (%)	Số Tiền (Đồng)	Tỷ Lệ (%)	T.Trọng g (%)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>48.656.376.703</b>	<b>11,49</b>	<b>53.279.478.062</b>	<b>10,53</b>	<b>4.623.101.359</b>	<b>9,50</b>	<b>5,60</b>
I. Tiền và tương đương tiền	9.844.580.126	2,33	8.742.398.887	1,73	-	-	-
III. Các khoản phải thu	26.334.882.156	6,22	17.393.179.847	3,44	8.941.702.309	33,95	10,83
1. Phải thu khách hàng	16.293.478.210	3,85	16.046.685.747	3,17	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	10.041.403.946	2,37	1.346.494.100	0,27	246.792.463	1,51	0,30
					-	-	-
					8.694.909.846	86,59	10,53

IV. Hàng tồn kho	11.151.486.571	2,63	21.867.063.033	4,32	10.715.576.462	96,09	12,98
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.325.427.850	0,31	5.276.836.295	1,04	3.951.408.445	298,12	4,78
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>374.671.689.119</b>	<b>88,51</b>	<b>452.632.857.061</b>	<b>89,47</b>	<b>77.961.167.942</b>	<b>20,81</b>	<b>94,40</b>
I. Tài sản cố định	368.570.498.981	87,06	387.525.400.909	76,60	18.954.901.928	5,14	22,95
II. Tài sản dở dang dài hạn	5.044.454.797	1,19	63.046.112.146	12,46	58.001.657.349	1.149,81	70,23
III. Tài sản dài hạn khác	1.056.735.341	0,25	2.061.344.006	0,41	1.004.608.665	95,07	1,22
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>423.328.065.822</b>	<b>100</b>	<b>505.912.335.123</b>	<b>100</b>	<b>82.584.269.301</b>	<b>19,51</b>	<b>100,00</b>

**Khái quát:**

- Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2017 đạt 505.912 triệu đồng, tăng 82.584 triệu đồng (19,51%) so với thời điểm cuối năm 2016, trong đó chủ yếu là tăng tài sản dài hạn (tăng 77.961 triệu đồng tương ứng 20,81%) và tăng tài sản ngắn hạn (tăng 4.623 triệu đồng, tương ứng 9,50%).

- Cơ cấu phân bổ tài sản thay đổi theo xu hướng chú trọng đầu tư vào tăng tài sản dài hạn và giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn tài sản ngắn hạn (tại thời điểm cuối năm chiếm 94,40% tổng tài sản).

- Việc tăng tổng tài sản nói trên cùng với sự tăng lên của tài sản cố định và sự tăng lên của vốn chủ sở hữu điều đó cho thấy quy mô của doanh nghiệp tăng lên, là cơ sở để mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

**Chi tiết:**

- Tài sản ngắn hạn: trong công ty tài sản ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn tài sản dài hạn, tỷ trọng tài sản ngắn hạn cuối năm nhỏ hơn đầu năm (10,53% < 11,49%). Tài sản ngắn hạn cuối năm so với đầu năm tăng 4.623 trđ, tương ứng 5,6% về tỷ trọng là do:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: đạt 8.742 triệu đồng, giảm 1.102 trđ tương ứng với tỷ lệ 11,2% do phục vụ cho việc chi trả các khoản nợ phải trả vào cuối năm.

- Hàng tồn kho: đạt 21.867 trđ, tăng 10.715 trđ tương ứng với tỷ lệ 96,06% phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tài sản ngắn hạn khác cuối năm so với đầu năm tăng 3.951 tr.đ tương ứng với tỷ lệ 298,12%, tăng tỷ trọng 4,78%.

- Nhưng bên cạnh đó, các khoản phải thu cuối năm so với đầu năm giảm 8.694 trđ tương ứng với tỷ lệ 86,59%, làm cho tài sản ngắn hạn giảm đi một khoản tương ứng là 8.694 trđ. Phải thu khách hàng tăng thể hiện trong kỳ công ty không phát sinh thêm các khoản nợ phải thu mới. Như vậy phải thu ngắn hạn giảm thể hiện phần vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng giảm, Công ty đã quản lý tốt công nợ phải thu, vấn đề thu hồi nợ được đẩy mạnh, giảm rủi ro và mất vốn của Công ty.

- Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn đạt 452.632 trđ chiếm tỷ trọng lớn trong doanh nghiệp, tại thời điểm cuối năm là 89,47%, tăng 77.961 trđ (20,81%) và tăng 94,4% về tỷ trọng.

- Tài sản cố định: đạt 387.525 trđ, tăng 18.954 trđ (5,14%) và tăng 22,95% về tỷ trọng. Tài sản cố định chiếm phần lớn về quy mô trong tài sản dài hạn, chứng tỏ cơ cấu vốn dài hạn tập trung đầu tư vào tài sản cố định phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trong tài sản cố định, chiếm tỷ trọng phần lớn là tài sản cố định hữu hình, TSCĐ hữu hình tăng do nguyên giá tăng (do tăng mua sắm, nâng cấp tài sản) làm cho năng lực sản xuất cho doanh nghiệp tăng, năng lực tài chính của doanh nghiệp tăng, phù hợp với thực tế là doanh nghiệp sản xuất.

- Tài sản dở dang dài hạn: đạt 63.046 trđ, tăng 58.001 trđ (1.149,81%) và tăng 70,23% về tỷ trọng. Tài sản dở dang dài hạn tăng do trong năm có các công trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành, doanh nghiệp tiếp tục đầu tư. Điều này giúp tăng năng lực sản xuất trong tương lai, nhưng cần kiểm soát để đảm bảo đúng tiến độ hoàn thành công trình xây dựng cơ bản, giảm vốn ứ đọng trong doanh nghiệp.

### ***Kết luận:***

Tại thời điểm cuối năm 2017 so với đầu năm, quy mô tài sản của doanh nghiệp tăng do doanh nghiệp tăng cường đầu tư vào tài sản cố định hữu hình và tài sản dở dang dài hạn nhằm phục vụ cho kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất. Chính sách quản lý công nợ phải thu tốt, công tác tiêu thụ sản phẩm được chú trọng nâng cao.

### **b. Tình hình nợ phải trả:**

NỢ PHẢI TRẢ	01/01/2017	31/12/2017	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>28.477.529.279</b>	<b>62.720.307.596</b>	<b>34.242.778.317</b>	<b>120,24</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	4.266.924.390	25.778.499.499	21.511.575.109	504,15
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.781.693.756	969.108.357	(1.812.585.399)	- 65,16
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	324.626.167	654.600.197	329.974.030	101,65
4. Phải trả người lao động	2.612.858.986	2.850.569.127	237.710.141	9,10
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11.690.395.227	17.650.921.803	5.960.526.576	50,99
9. Phải trả ngắn hạn khác	516.423.638	2.452.313.993	1.935.890.355	374,86
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.372.524.642	11.367.689.868	7.995.165.226	237,07
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.912.082.473	996.604.752	(1.915.477.721)	- 65,78

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>243.288.676.881</b>	<b>290.770.769.482</b>	<b>47.482.092.601</b>	<b>19,52</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	243.288.676.881	290.770.769.482	47.482.092.601	19,52
<b>Tổng</b>	<b>271.766.206.160</b>	<b>353.491.077.078</b>	<b>81.724.870.918</b>	<b>30,07</b>
<b>Tình hình công nợ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Tỷ lệ % (2017/2016)</b>
1. Hệ số các khoản phải trả (Tổng các khoản phải trả/Tổng tài sản)	0,64	0,70	0,06	108,84
2. Các khoản phải trả ngắn hạn bình quân	42.214.055.317	45.598.918.438	3.384.863.121	108,02
3. Hệ số hoàn trả nợ	1,81	1,72	- 0,09	95,28
4. Kỳ trả nợ bình quân (ngày) (360/hệ số hoàn trả nợ)	199	209	10	104,95

- Nợ phải trả của doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm 2017 tăng 81.724 trđ (30,07%) (do khoản vay WB để thực hiện dự án) trong khi tổng tài sản tăng 82.584 triệu đồng (19,51%) làm tăng hệ số các khoản phải trả 0,06 lần (8,84%) chứng tỏ công ty đã tăng huy động vốn tín dụng thương mại làm tăng nhu cầu tài trợ và đôn bẩy tài chính. Điều này làm tăng chi phí sử dụng vốn cũng như áp lực thanh toán cho doanh nghiệp và giảm khả năng sinh lời của Công ty:

+ Cơ cấu công nợ phải trả biến đổi theo hướng tăng các khoản phải trả ngắn hạn (tăng 34.243 trđ tương ứng 120,24%) và tăng các khoản phải trả dài hạn (tăng 47.482 trđ tương ứng 19,52%). Số vòng hoàn trả nợ giảm 0,09 lần (từ 1,81 xuống 1,72) làm số ngày hoàn trả nợ tăng 10 ngày (từ 199 lên 209). Điều này chứng tỏ tốc độ luân chuyển các khoản phải trả giảm làm giảm tính cấp thiết phải thanh toán các khoản nợ đối với doanh nghiệp.

+ Nợ phải trả ngắn hạn đạt 62.720 trđ, chủ yếu là tăng phải trả người bán ngắn hạn (tăng 21.511 trđ), tăng chi phí phải trả ngắn hạn (tăng 5.960 trđ), tăng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tăng 7.995 trđ).

+ Nợ phải trả dài hạn đạt 290.770 trđ, tăng do vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 47.482 trđ (19,52%).

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Công ty luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố trung tâm và là tài sản quý báu, chính vì vậy Chính sách nhân sự mà công ty xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực thành nhân tố quyết định đến kế hoạch sản xuất đề ra: chú trọng đào tạo bồi dưỡng kỹ năng, chú trọng công tác tuyển dụng, bố trí việc làm theo tiêu chuẩn vị trí công việc; phương án khoán chi phí sản xuất bước đầu đã được khẳng định.

+ Đến 31/12/2017 Công ty có 333 lao động, tăng 4,06% so với năm 2016; định mức sử dụng lao động là 4,8/1.000 đầu nổi so với năm 2016 là 5,03/1.000 đầu nổi, chứng tỏ Công ty đã sử dụng lao động tiết kiệm và hiệu quả hơn. Tỷ lệ lao động nữ

chiếm 45%, tỷ lệ lao động nam chiếm 55%.

+ Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Công ty đã triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho khối văn phòng, khối công nhân sản xuất, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho cán bộ trực tiếp tiếp xúc và trả lời khách hàng. Cụ thể Công ty đã tổ chức 8 Khóa bồi dưỡng, với nội dung đa dạng nâng cao kỹ năng làm việc, vận hành sản xuất an toàn và chất lượng chăm sóc khách hàng nâng cao chất lượng dịch vụ.

+ Chính sách đãi ngộ phúc lợi: được xây dựng dựng trên cơ sở công bằng, minh bạch nhằm thúc đẩy sự sáng tạo và đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên Công ty. Từng bước hoàn thiện bản mô tả công việc cụ thể đến từng cán bộ công nhân viên.

+ Áp dụng chuyển xếp lương cho cán bộ, công nhân viên theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ, chính sách lương khoán, thưởng được áp dụng linh hoạt thúc đẩy các Chi nhánh cấp nước tiết kiệm chi phí, tối đa doanh thu nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên. Phụ cấp thâm niên, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp xăng xe, phụ cấp điện thoại... được cộng vào thu nhập hàng tháng đảm bảo quyền lợi, giúp người lao động yên tâm công tác. Công ty áp dụng các chính sách khen thưởng như: Bình xét ABC hàng tháng, tháng lương thứ 13, các dịp lễ tết, các sáng kiến kỹ thuật, các cá nhân đơn vị có thành tích xuất sắc trong thi đua sản xuất, giảm tỷ lệ thất thoát nước. Ngoài ra Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi với người lao động theo đúng quy định của pháp luật như đóng bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, thăm hỏi tặng quà cho CBCNV và gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

+ Xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy định: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Khoán tiền lương, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế nội kiểm, Quy chế chi tiêu nội bộ... là cơ chế giám sát hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các phòng, ban đơn vị.

+ Hoạt động văn hóa doanh nghiệp: Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia.

- Về công tác kiện toàn bộ máy quản lý: Năm 2017, Công ty tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, thường xuyên rà soát đánh giá hoạt động của các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, sắp xếp và luân chuyển nhân sự giữa các phòng, ban đơn vị.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Phân đầu duy trì đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường và quyết liệt thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để hạ tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Xây dựng và thực hiện nền tài chính lành mạnh, minh bạch.
- Tỷ lệ bao phủ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100% với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn, quy định.
- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24h trong ngày, áp lực nước trên toàn mạng đạt chuẩn theo quy định.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty thường xuyên tuyên truyền và thực hiện sử dụng các nguồn năng

lượng hợp lý, tiết kiệm; tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

- Công ty sử dụng điện chủ yếu cho chiếu sáng, thiết bị và hệ thống máy móc, nguồn nước lấy từ nước do công ty sản xuất ra được hạch toán và nộp phí môi trường đầy đủ.

- Toàn bộ rác thải Công ty được ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác sau đó đơn vị vận chuyển đến bãi rác theo quy định của thành phố.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Cán bộ công nhân viên người lao động trong công ty làm việc có trách nhiệm, đủ trình độ và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao, với thái độ tích cực trong việc phục vụ khách hàng, thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Trong quá trình thi công lắp đặt luôn chú trọng tới đảm bảo an toàn vệ sinh công trường có biển báo an toàn, rào chắn, việc đào đường đều xin giấy phép và hoàn trả tái lập mặt đường theo quy định nhằm đảm bảo an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

- Thường xuyên nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu phấn đấu.

- Duy trì cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn của Công ty quản lý, đảm bảo an sinh xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

- Năm 2017, Công ty đã cố gắng nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, có bước tăng trưởng khá về doanh thu, số đầu nối, sản lượng nước tiêu thụ.

- HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi và thống nhất các nội dung công tác chủ yếu để bám sát và triển khai tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương nghị quyết của HĐQT để có điều chỉnh, chỉ đạo điều hành kịp thời.

- Về thực hiện trách nhiệm môi trường: Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; Chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn được kiểm tra định kỳ, Công ty đã kiểm soát được 15/15 chỉ tiêu cấp A về chất lượng nước sạch của Bộ Y tế. Tất cả các Chi nhánh, các Trạm cấp nước đều thực hiện tốt quy định nội kiểm và công bố chất lượng nước sản xuất.

- Về thực hiện trách nhiệm xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, nghĩa vụ đối với nhà nước: nộp thuế đạt kế hoạch, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động... đảm bảo tiền lương, thu nhập và các chế độ khác cho người lao động đúng thời hạn và quy định của pháp luật. Năm 2017, Công đoàn Công ty được Liên đoàn lao động tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Ban Giám đốc đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2017, điều hành hoạt động Công ty đạt kết quả về sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính đã nêu trong báo cáo này.

- Ban Giám đốc đã bám sát các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và tài chính của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT do đó đã đạt được kết quả tốt. Ban Giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và có sự đoàn kết nhất

trí trong quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tuy nhiên trong công tác chống thất thoát, thất thu việc điều hành, chỉ đạo của Ban Giám đốc chưa thường xuyên, cụ thể, sâu sát nên tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch chưa đáp ứng yêu cầu.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Lập kế hoạch tài chính và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả.

- Để đạt được các chỉ tiêu đề ra, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng chiến lược phát triển của Công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ Ban Giám đốc nhằm đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, cũng như đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất cho đồng vốn đầu tư của cổ đông, cụ thể:

+ Tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất: tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán chi phí sản xuất cho tất cả các đơn vị trực thuộc.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư cấp nước (theo Phương án số 02/PA-CTN ngày 01/12/2015 của Chủ tịch HĐQT Công ty) để tạo điều kiện cho nhiều người dân được tiếp cận với nước sạch và góp phần hỗ trợ các địa phương hoàn thành tiêu chí nước sạch theo Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

+ Sản xuất và cung ứng nước sạch trên địa bàn các đô thị trong toàn tỉnh, tập trung chống thất thoát đảm bảo sản xuất có hiệu quả; Tăng cường mở rộng mạng lưới cấp nước phát triển khách hàng, cấp nước đảm bảo liên tục cho các khu công nghiệp.

+ Tăng cường và quyết liệt thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để hạ tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt: tại mỗi Chi nhánh đều thành lập bộ phận chuyên trách chống thất thoát thất thu; đầu tư phương tiện thiết bị dò tìm rò rỉ đáp ứng yêu cầu chống thất thoát.

+ Thực hiện quyết toán Dự án Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Ninh Bình theo đúng quy định.

+ Xây dựng Phương án và tổ chức thực hiện Chương trình hành động theo chỉ đạo của UBND tỉnh về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch. Năm 2018 sẽ tiếp tục mở rộng khu vực được cấp nước 24/24 tại trung tâm của thành phố Ninh Bình, Thị trấn Thiên Tôn và Khu công nghiệp Gián Khẩu.

+ Triển khai và ứng dụng có hiệu quả dự án phần mềm quản lý khách hàng, phần mềm in hóa đơn điện tử, phần mềm quản lý tài sản.

+ Hoàn thành thoái vốn nhà nước theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Đinh Ngọc Vân**